

PHỤ LỤC 1

TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ CỦA ĐƠN VỊ CUNG CẤP SUẤT ĂN SẴN (ĐƯA SUẤT ĂN TỪ BÊN NGOÀI VÀO) PHỤC VỤ CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁC BỮA ĂN BÁN TRÚ CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM NĂM HỌC 2025-2026

TT	Tiêu chí	Tài liệu chứng minh (đơn vị chuẩn bị trong hồ sơ nộp)	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Ghi chú
I	Hồ sơ pháp lý		20		
1	Giấy chứng nhận kinh doanh quy định tại khoản 3, Điều 5, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP. (ngành nghề kinh doanh phù hợp loại hình đăng ký)	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh - Bảng kê mã ngành nghề kinh doanh	5		Không đạt trong trường hợp đơn vị không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc ngành nghề kinh doanh không phù hợp
2	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc các giấy tờ khác tương đương còn hiệu lực quy định tại khoản 1, Điều 11 và điểm k, khoản 1, Điều 12, Nghị định 15/2018/NĐ-CP. Đối với các trường tự tổ chức nấu ăn hoặc nấu ăn tại bếp của nhà trường: phải có bản cam kết trách nhiệm về ATTP đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.	* Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc các giấy tờ khác tương đương còn hiệu lực: 10 điểm * Có Bản cam kết đảm bảo ATTP: 5 điểm - Đối với đơn vị cung cấp suất ăn sẵn từ ngoài vào trường: bắt buộc phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc các giấy tờ khác tương đương còn hiệu lực	10		Không đạt trong trường hợp đơn vị không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc tương đương/cam kết trách nhiệm về ATTP theo quy định
3	Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải tuân thủ quy định về sức khỏe tại khoản 4, Điều 29, Luật ATTP số 55/2010/QH12.	Giấy khám sức khỏe của Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định còn hạn:	2		Không đạt trong trường hợp đơn vị không có/không đầy đủ/sử dụng giấy khám sức khỏe không đúng theo quy định
4	Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở quy định tại mục 3, Điều 5, Chương II, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.	Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về ATTP:	3		Không đạt trong trường hợp đơn vị không có/không đầy đủ xác nhận tập huấn kiến thức về ATTP của chủ cơ sở theo quy định
II	Hồ sơ nguồn gốc thực phẩm đối với mỗi sản phẩm thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm	<i>Điểm phần hồ sơ nguồn gốc thực phẩm là điểm trung bình của các sản phẩm thực phẩm cung cấp: phân chia theo tổng hợp ngành hàng</i>			
II.1	Sản phẩm bao gói sẵn		30		
1	Hợp đồng cung cấp thực phẩm với các đơn vị, hoặc giấy tờ chứng minh đơn vị tự sản xuất. G Giấy chứng nhận kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 điều 36 Luật ATTP số 55/2010/QH12 của đơn vị sản xuất thực phẩm của đơn vị ký hợp đồng	Đơn vị cung cấp thực phẩm tự sản xuất hoặc ký hợp đồng trực tiếp với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm: 10 điểm Đơn vị cung cấp thực phẩm ký hợp đồng trực tiếp với cơ sở đại lý cấp 1: 05 điểm Đơn vị cung cấp thực phẩm ký hợp đồng với cơ sở đại lý cấp 2 trở lên: 03 điểm	10		
2	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy tờ khác tương đương quy định tại: Điều 11, 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Điều 24, 28, Văn bản hợp nhất số	Giấy tờ chứng minh	5		

	18/VBHN-BCT ngày 13/3/2020 của Bộ Công Thương của đơn vị ký hợp đồng với đơn vị đăng ký cung cấp thực phẩm cho trường học				
3	Các hợp đồng trung gian chứng minh tới Nhà sản xuất sản phẩm (đối với trường hợp không mua trực tiếp nhà sản xuất)	Giấy tờ chứng minh	5		
4	Hồ sơ sản phẩm thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm bao gói sẵn	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy tờ khác tương đương quy định tại: Điều 11, 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Điều 24, 28, Văn bản hợp nhất số 18/VBHN-BCT ngày 13/3/2020 của Bộ Công Thương của đơn vị sản xuất sản phẩm *Bản Tự công bố sản phẩm, Bản đăng ký công bố sản phẩm quy định tại điều 4, 5, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ, phiếu kiểm nghiệm *Phiếu kiểm nghiệm sản phẩm phù hợp thời điểm tự công bố, công bố sản phẩm theo quy định	5		
5	Phiếu kiểm nghiệm định kỳ hàng năm (nếu có)	Phiếu kiểm nghiệm theo quy định	1		
6	Thông báo, đăng tải, niêm yết bản tự công bố sản phẩm theo quy định	Hình ảnh chứng minh	2		
7	Nộp bản tự công bố sản phẩm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	Hình ảnh chứng minh	2		
II.2	Sản phẩm không bao gói sẵn		30		
1	Hợp đồng cung cấp thực phẩm với các đơn vị, hoặc giấy tờ chứng minh đơn vị tự sản xuất. G Giấy chứng nhận kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 điều 36 Luật ATTP số 55/2010/QH12 của đơn vị sản xuất thực phẩm của đơn vị ký hợp đồng	Đơn vị cung cấp thực phẩm tự sản xuất hoặc ký hợp đồng trực tiếp với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm: 10 điểm Đơn vị cung cấp thực phẩm ký hợp đồng trực tiếp với cơ sở đại lý cấp 1: 05 điểm Đơn vị cung cấp thực phẩm ký hợp đồng với cơ sở đại lý cấp 2 trở lên: 02 điểm	10		
2	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy tờ khác tương đương quy định tại: Điều 11, 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Điều 24, 28, Văn bản hợp nhất số 18/VBHN-BCT ngày 13/3/2020 của Bộ Công Thương của đơn vị ký hợp đồng với đơn vị đăng ký cung cấp thực phẩm cho trường học	Giấy tờ chứng minh	5		
3	Các hợp đồng trung gian chứng minh tới Nhà sản xuất sản phẩm (đối với trường hợp không mua trực tiếp nhà sản xuất)	Giấy tờ chứng minh	5		
4	Hồ sơ sản phẩm thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm không bao gói sẵn	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy tờ khác tương đương quy định tại: Điều 11, 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Điều 24, 28, Văn bản hợp nhất số 18/VBHN-BCT ngày 13/3/2020 của Bộ Công Thương của đơn vị sản xuất sản phẩm	7		

5	Phiếu kiểm nghiệm định kỳ hàng năm (nếu có)	Phiếu kiểm nghiệm theo quy định	3		
II	Các điều kiện ưu tiên		20		
1	Cơ sở có kinh nghiệm cung cấp suất ăn tại các bếp ăn tập thể/chế biến suất ăn sẵn từ 5 năm trở lên;	Có kinh nghiệm từ 05 năm - 7 năm: 2 điểm + Có kinh nghiệm từ 07 năm - 10 năm: 3 điểm + Có kinh nghiệm từ 10 năm trở lên: 5 Điểm	5		
2	Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm	Biên bản kiểm tra cơ sở trong thời gian gần nhất của cơ quan quản lý Nhà nước	3		Nếu có vi phạm về ATTP trong năm: Không tính điểm
3	Hoàn thành nghĩa vụ về Thuế, bảo hiểm, an toàn lao động	Giấy tờ chứng minh	5		
4	Có tài liệu chứng minh việc tổ chức tập huấn kiến thức ATTP cho người kinh doanh dịch vụ ăn uống và người lao động khi chế biến, kinh doanh dịch vụ ăn uống.	Giấy tờ chứng minh	2		
5	Có hợp đồng nguyên tắc cung cấp thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm còn hiệu lực cách thời điểm xét duyệt hồ sơ ít từ 6 tháng trở lên; có các hóa đơn điện tử chứng minh đã mua nguyên liệu thực phẩm theo hợp đồng trên phù hợp công suất đã phục vụ.	Giấy tờ chứng minh	5		
Tổng cộng			100		

PHỤ LỤC 2.

TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ CỦA ĐƠN VỊ SẢN XUẤT ĂN NẤU TẠI CHỖ/ CUNG CẤP THỰC PHẨM PHỤC VỤ CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁC BỮA ĂN BÁN TRÚ CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM NĂM HỌC 2025-2026

TT	Tiêu chí	Tài liệu chứng minh (đơn vị chuẩn bị trong hồ sơ)	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Ghi chú
I	Hồ sơ pháp lý		20		
1	Giấy chứng nhận kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 điều 36 Luật ATTP số 55/2010/QH12 (ngành nghề kinh doanh phù hợp loại hình đăng ký)	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp - Bảng kê mã ngành nghề kinh doanh phù hợp	5		Không đạt trong trường hợp đơn vị không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc ngành nghề kinh doanh không phù hợp
2	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy tờ khác tương đương quy định tại: Điều 11, 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Điều 24, 28, Văn bản hợp nhất số 18/VBHN-BCT ngày 13/3/2020 của Bộ Công Thương.	* Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc các giấy tờ khác tương đương còn hiệu lực: 10 điểm * Có Bản cam kết đảm bảo ATTP: 5 điểm	10		Không đạt trong trường hợp đơn vị không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc tương đương/cam kết trách nhiệm về ATTP theo quy định
3	Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại: điểm e khoản 1, Điều 19 Luật ATTP số 55/2010/QH12; khoản 2, điều 28 Văn bản hợp nhất số 18/VBHN-BCT ngày 13/3/2020 của Bộ Công Thương;	Giấy khám sức khỏe của Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định còn hạn: (Không đầy đủ không có điểm)	2		Không đạt trong trường hợp đơn vị không có/không đầy đủ/sử dụng giấy khám sức khỏe không đúng theo quy định
4	Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở	Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về ATTP: (Không đầy đủ không có điểm)	3		Không đạt trong trường hợp đơn vị không có/không đầy đủ xác nhận tập huấn kiến thức về ATTP của chủ cơ sở theo quy định
II	Hồ sơ nguồn gốc thực phẩm đối với mỗi sản phẩm thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm cung cấp	<i>Điểm phần hồ sơ nguồn gốc thực phẩm là điểm trung bình của các sản phẩm thực phẩm cung cấp: phân chia theo tổng hợp ngành hàng</i>			
II.1	Sản phẩm bao gói sẵn		30		
1	Hợp đồng cung cấp thực phẩm với các đơn vị, hoặc giấy tờ chứng minh đơn vị tự sản xuất. G Giấy chứng nhận kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 điều 36 Luật ATTP số 55/2010/QH12 của đơn vị sản xuất thực phẩm của đơn vị ký hợp đồng	Đơn vị cung cấp thực phẩm tự sản xuất hoặc ký hợp đồng trực tiếp với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm: 10 điểm Đơn vị cung cấp thực phẩm ký hợp đồng trực tiếp với cơ sở đại lý cấp 1: 05 điểm Đơn vị cung cấp thực phẩm ký hợp đồng với cơ sở đại lý cấp 2 trở lên: 03 điểm	10		

2	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy tờ khác tương đương quy định tại: Điều 11, 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Điều 24, 28, Văn bản hợp nhất số 18/VBHN-BCT ngày 13/3/2020 của Bộ Công Thương của đơn vị ký hợp đồng với đơn vị đăng ký cung cấp thực phẩm cho trường học	Giấy tờ chứng minh	5		
3	Các hợp đồng trung gian chứng minh tới Nhà sản xuất sản phẩm (đối với trường hợp không mua trực tiếp nhà sản xuất)	Giấy tờ chứng minh	5		
4	Hồ sơ sản phẩm thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm bao gói sẵn	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy tờ khác tương đương quy định tại: Điều 11, 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Điều 24, 28, Văn bản hợp nhất số 18/VBHN-BCT ngày 13/3/2020 của Bộ Công Thương của đơn vị sản xuất sản phẩm *Bản Tự công bố sản phẩm, Bản đăng ký công bố sản phẩm quy định tại điều 4, 5, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ, phiếu kiểm nghiệm *Phiếu kiểm nghiệm sản phẩm phù hợp thời điểm tự công bố, công bố sản phẩm theo quy định	5		
5	Phiếu kiểm nghiệm định kỳ hàng năm (nếu có)	Phiếu kiểm nghiệm theo quy định	1		
6	Thông báo, đăng tải, niêm yết bản tự công bố sản phẩm theo quy định	Hình ảnh chứng minh	2		
7	Nộp bản tự công bố sản phẩm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	Hình ảnh chứng minh	2		
II.2	Sản phẩm không bao gói sẵn		30		
1	Hợp đồng cung cấp thực phẩm với các đơn vị, hoặc giấy tờ chứng minh đơn vị tự sản xuất. G Giấy chứng nhận kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 điều 36 Luật ATTP số 55/2010/QH12 của đơn vị sản xuất thực phẩm của đơn vị ký hợp đồng	Đơn vị cung cấp thực phẩm tự sản xuất hoặc ký hợp đồng trực tiếp với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm: 10 điểm Đơn vị cung cấp thực phẩm ký hợp đồng trực tiếp với cơ sở đại lý cấp 1: 05 điểm Đơn vị cung cấp thực phẩm ký hợp đồng với cơ sở đại lý cấp 2 trở lên: 02.điểm	10		
2	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy tờ khác tương đương quy định tại: Điều 11, 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Điều 24, 28, Văn bản hợp nhất số	Giấy tờ chứng minh	5		

	18/VBHN-BCT ngày 13/3/2020 của Bộ Công Thương của đơn vị ký hợp đồng với đơn vị đăng ký cung cấp thực phẩm cho trường học				
3	Các hợp đồng trung gian chứng minh tới Nhà sản xuất sản phẩm (đối với trường hợp không mua trực tiếp nhà sản xuất)	Giấy tờ chứng minh	5		
4	Hồ sơ sản phẩm thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm không bao gói sẵn	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy tờ khác tương đương quy định tại: Điều 11, 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Điều 24, 28, Văn bản hợp nhất số 18/VBHN-BCT ngày 13/3/2020 của Bộ Công Thương của đơn vị sản xuất sản phẩm	7		
5	Phiếu kiểm nghiệm định kỳ hàng năm (nếu có)	Phiếu kiểm nghiệm theo quy định	3		
II	Các điều kiện ưu tiên đối với cơ sở đăng ký cung cấp thực phẩm		20		
1	Cung cấp đa dạng nguyên liệu thực phẩm: nhóm thực phẩm ngành Y tế, Nông nghiệp, Công thương quản lý	Cung cấp các loại nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm thực phẩm đáp ứng từ 90% nhu cầu của bếp ăn tập thể trường học trở lên: 5 điểm Cung cấp các loại nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm thực phẩm đáp ứng từ 70%- 90% nhu cầu của bếp ăn tập thể trường học: 3 điểm Cung cấp các loại nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm thực phẩm đáp ứng từ 50%- 70% nhu cầu của bếp ăn tập thể trường học: 2 điểm Cung cấp các loại nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm thực phẩm đáp ứng dưới nhu cầu của bếp ăn tập thể trường học: 0 điểm	5		
2	Cơ sở có kinh nghiệm nấu ăn tại chỗ/ cung cấp thực phẩm tại các bếp ăn tập thể/chế biến suất ăn sẵn từ 5 năm trở lên;	*Có kinh nghiệm từ 05 năm - 7 năm: 1 điểm * Có kinh nghiệm từ 07 năm - 10 năm: 2 điểm * Có kinh nghiệm từ 10 năm trở lên: 3 Điểm	3		
3	Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm,	Biên bản kiểm tra cơ sở trong thời gian gần nhất của cơ quan quản lý Nhà nước	1		Nếu có vi phạm về ATTP trong năm. Không tính điểm
4	Hoàn thành nghĩa vụ về Thuế, bảo hiểm, an toàn lao động	Giấy tờ chứng minh	1		
5	Có tài liệu chứng minh việc tổ chức tập huấn kiến thức ATTP cho người sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm	Giấy tờ chứng minh	1		
6	Cơ sở sản xuất ban đầu gồm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cơ sở giết mổ thịt gia súc gia cầm: + Có chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP);	Có giấy tờ chứng minh gửi kèm hồ sơ sản phẩm	3		

	+ Sản phẩm được sản xuất theo chuỗi trên địa bàn của địa phương; có mã số vùng trồng còn hiệu lực, được công khai dữ liệu trên hệ thống quản lý của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; + Sản phẩm được giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung thuộc “Mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội” theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 về việc phê duyệt mạng lưới giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn của UBND Thành phố.	Với mỗi đơn vị có giấy tờ ưu tiên được tính cộng thêm: 0.5 điểm; tối đa không quá 3 điểm			
7	Cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm nguyên liệu, thực phẩm				
	- Cơ sở có sản phẩm thực phẩm được kiểm tra, đánh giá chất lượng, kiểm nghiệm định kỳ, đột xuất theo yêu cầu đối với các chỉ tiêu đảm bảo ATTP, chỉ tiêu dinh dưỡng theo quy trình nội bộ;	Giấy tờ chứng minh	1		
	- Cơ sở có ứng dụng thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, giám sát quá trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển thực phẩm; lưu trữ thông tin truy xuất nguồn gốc, minh bạch nguồn gốc sản phẩm.	Giấy tờ chứng minh	1		
	- Có phương tiện vận chuyển chuyên dụng, chế độ theo dõi, giám sát quá trình vận chuyển sản phẩm (<i>thời gian giao nhận, chủng loại hàng hóa, điều kiện nhiệt độ bảo quản khi giao, nhận hàng hóa, người giao hàng, tình trạng hàng hóa tại thời điểm giao nhận,...</i>) để kiểm soát các điều kiện vận chuyển bảo đảm ATTP theo quy định.	Giấy tờ chứng minh	2		
8	Kiểm soát chất lượng nguyên liệu từ nhà cung cấp, nhà sản xuất				
	Xây dựng phương án kiểm soát chất lượng nguyên liệu sử dụng từ nhà cung cấp, nhà sản xuất	Giấy tờ chứng minh	1		
	Xây dựng phương án kiểm soát chất lượng nguyên liệu sử dụng từ nhà cung cấp, nhà sản xuất	Giấy tờ chứng minh	1		
	Thực hiện truy xuất nguồn gốc thực phẩm tại các nhà cung cấp nguyên liệu	Giấy tờ chứng minh	1		
TỔNG CỘNG			100		